

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 03/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 27/03/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28212739839	Đặng Công An	06/11/2004	Đà Nẵng	31SSC9	8.3	10.0	Đạt	
2	28204949565	Hoàng Thị Bình An	15/07/2004	Quảng Trị	31SSC9	9.0	3.6	Không Đạt	
3	28204953952	Trương Thị Mỹ An	15/04/2004	Quảng Trị	31SSC9	7.7	5.0	Đạt	
4	28208153369	Bùi Nguyễn Thảo Anh	21/08/2003	Kiên Giang	31TSC17	5.0	6.9	Đạt	
5	28209447047	Hồ Thị Quế Anh	26/11/2004	Nghệ An	31TSC17	7.0	2.3	Không Đạt	
6	28218200298	Huỳnh Việt Anh	09/09/2004	Gia Lai	31TSC17	7.7	5.0	Đạt	
7	28208101942	Nguyễn Phương Anh	12/10/2004	Đắk Lắk	31THT18	9.3	9.0	Đạt	
8	28204548527	Phạm Hoàng Anh	11/12/2004	Đắk Lắk	31THT18	V	V	Không Đạt	
9	27208780040	Trần Lê Hoàng Anh	28/08/2002	Đà Nẵng	31SSC9	9.0	10.0	Đạt	
10	28214436039	Vũ Hoàng Bách	22/07/2004	Quảng Nam	31THT18	5.7	8.8	Đạt	
11	29206255104	Nguyễn Thị Hải Châu	30/01/2005	Đà Nẵng	31THT18	5.7	4.0	Không Đạt	
12	28212701773	Phan Anh Chí	26/01/2004	Đà Nẵng	31THT18	4.0	5.0	Không Đạt	
13	28214327002	Lê Quốc Cường	15/12/2004	Gia Lai	31TSC17	7.7	6.8	Đạt	
14	28218102684	Ngô Văn Cường	02/09/2004	Đà Nẵng	31THT18	9.3	8.5	Đạt	
15	28219402195	Nguyễn Quý Danh	01/01/2004	Đắk Lắk	31TSC17	V	V	Không Đạt	
16	28212303057	Trần Minh Độ	23/01/2004	Phú Yên	31SSC9	6.0	7.3	Đạt	
17	28212349679	Hồ Lê Hữu Đức	01/03/2004	Đà Nẵng	31CYC7	6.0	5.5	Đạt	
18	29207261885	Nguyễn Thùy Dung	06/12/2005	Thanh Hóa	31TSC17	7.3	2.8	Không Đạt	
19	28209403223	Phạm Thị Mỹ Duyên	15/06/2004	Quảng Ngãi	31SSC9	V	V	Không Đạt	
20	28214648794	Trần Thị Ngọc Duyên	31/03/2004	Đà Nẵng	31TSC17	6.7	6.5	Đạt	
21	28208151402	Lê Hương Giang	06/05/2003	Quảng Nam	31SSC9	V	V	Không Đạt	
22	28204628773	Nguyễn Thị Diệu Hà	15/12/2004	Đà Nẵng	31SSC9	8.0	7.0	Đạt	
23	29207238039	Tô Ngọc Thanh Hà	31/03/2005	Quảng Ngãi	31TSC17	8.7	5.3	Đạt	
24	28206202816	Đình Ngọc Hân	16/08/2004	Quảng Nam	31THT18	9.0	7.8	Đạt	
25	28204644594	Trần Thị Mỹ Hạnh	03/06/2004	Đà Nẵng	31TSC17	9.3	7.0	Đạt	
26	29206565025	Nguyễn Thị Phương Hậu	06/12/2005	Đà Nẵng	31TSC17	8.0	6.3	Đạt	
27	29206565758	Võ Thị Hậu	17/10/2005	Quảng Nam	31TSC17	8.7	4.1	Không Đạt	
28	28208150062	Đặng Thị Ngọc Hiền	20/04/2004	Quảng Nam	31THT18	7.3	7.0	Đạt	
29	28204905601	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/01/2004	Quảng Trị	31THT18	9.3	4.3	Không Đạt	
30	28208150023	Võ Thị Thu Hiền	31/05/2004	Đà Nẵng	31TSC17	5.7	4.0	Không Đạt	
31	29214644685	Lê Võ Hoàng	10/08/2005	Quảng Nam	31TSC17	5.7	5.0	Đạt	
32	29214152680	Nguyễn Quốc Hoàng	26/05/2005	Quảng Ngãi	31SSC9	8.7	5.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	28218054742	Hà Quang	Hùng	03/12/2004	Quảng Nam	31SSC9	4.3	0.3	Không Đạt	
34	30214721333	Trần Phi	Hùng	19/11/2006	Quảng Trị	31TSC17	5.0	3.0	Không Đạt	
35	29206257797	Nguyễn Thị Khánh	Hương	03/07/2005	Đà Nẵng	31THT18	8.3	6.8	Đạt	
36	28212845482	Đỗ Gia	Huy	26/10/2003	Đà Nẵng	31THT18	V	V	Không Đạt	
37	28218128741	Nguyễn Trương Quốc	Huy	03/05/2004	Đà Nẵng	31TSC17	5.7	5.0	Đạt	
38	28218041821	Trịnh Gia	Huy	25/11/2004	Nam Định	31THT18	8.7	6.5	Đạt	
39	28216222385	Phạm Thế	Kha	10/03/2004	Quảng Trị	31THT18	7.7	7.3	Đạt	
40	28218054522	Trần Huy	Khang	25/09/2004	Quảng Bình	31SSC9	4.0	1.3	Không Đạt	
41	28212301308	Võ Anh	Khoa	17/08/2004	Quảng Ngãi	31SSC9	9.7	7.0	Đạt	
42	28204603350	Tôn Lê Ngọc	Lan	12/10/2004	Quảng Ngãi	31SSC9	8.0	5.8	Đạt	
43	28212806068	Phạm Bá Nhật	Linh	23/10/2002	Quảng Bình	31THT18	V	V	Không Đạt	
44	27205439257	Trần Trà	Linh	26/07/2003	Điện Biên	31THT18	10.0	6.5	Đạt	
45	28215237131	Trương Phan Minh	Long	06/09/2004	Quảng Nam	31THT18	6.7	5.5	Đạt	
46	25217210004	Lê Minh	Lưu	19/03/1999	Bình Định	31SSC9	V	V	Không Đạt	
47	28216653647	Đặng Văn	Luyến	28/01/2004	Đà Nẵng	31THT15	5.3	5.0	Đạt	
48	28208003727	Huỳnh Thị Trúc	Ly	30/04/2004	Quảng Nam	31TSC17	7.7	6.3	Đạt	
49	28208130474	Đỗ Lê Trúc	Mi	11/08/2004	Hồ Chí Minh	31THT18	5.7	6.0	Đạt	
50	26211335205	Nguyễn Văn	Mỹ	07/07/2002	Đà Nẵng	31TSC17	V	V	Không Đạt	
51	29206257565	Nguyễn Thị	Na	19/04/2005	Đắk Lắk	31THT18	9.7	9.8	Đạt	
52	29206634853	Trần Phương	Nghi	09/08/2005	Đà Nẵng	31THT18	5.3	5.5	Đạt	
53	27203138620	Trương Thị Kim	Ngọc	27/05/2003	Quảng Nam	31SSC9	9.0	6.0	Đạt	
54	29204653584	Nguyễn Thanh	Nhân	28/07/2005	Bình Định	31SSC9	9.0	5.0	Đạt	
55	29214665464	Trần Lê Đình	Nhân	24/11/2005	Quảng Trị	31SSC9	9.0	8.0	Đạt	
56	28204651679	Trương Thị Mỹ	Nhung	02/01/2004	Quảng Nam	31THT18	8.3	9.8	Đạt	
57	28206602822	Phạm Thị Mỹ	Nương	06/12/2004	Quảng Nam	31THT18	5.3	5.0	Đạt	
58	28204605214	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	10/10/2004	Đà Nẵng	31THT18	9.7	7.8	Đạt	
59	29217560823	Đỗ Văn Hoàng	Phúc	07/11/2005	Đà Nẵng	31SSC9	3.3	1.9	Không Đạt	
60	29206538423	Phùng Thị	Phượng	26/03/2005	Đắk Lắk	31TSC17	6.0	5.8	Đạt	
61	27215352273	Ngô Hồng	Quân	15/01/2003	Thanh Hóa	31THT18	10.0	10.0	Đạt	
62	27215450499	Nguyễn Đăng	Quang	26/11/2002	Bến Tre	31THT18	9.3	2.5	Không Đạt	
63	28206132649	Tô Thị Tú	Quyên	09/10/2004	Đà Nẵng	31THT18	7.7	9.5	Đạt	
64	28206600313	Bùi Thị Như	Quỳnh	10/09/2004	Quảng Ngãi	31SSC9	3.7	1.8	Không Đạt	
65	28218251558	Trần Cao	Sơn	05/06/2004	Đà Nẵng	31TSC17	9.3	9.0	Đạt	
66	29212356862	Trần Thanh	Sơn	24/06/2005	Quảng Ngãi	31SSC9	8.3	7.0	Đạt	
67	28206901941	Nguyễn Thị	Thắm	04/03/2004	Quảng Nam	31TSC17	9.7	6.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28214327789	Nguyễn Hà Phước Ngọc	Thắng	13/04/2004	Đà Nẵng	31SSC8	6.0	3.1	Không Đạt	
69	28207105949	Nguyễn Thị Kim	Thảo	29/10/2004	Quảng Ngãi	31TSC17	4.7	0.5	Không Đạt	
70	27208440405	Văn Thị Thanh	Thiện	17/10/2003	Đà Nẵng	31SSC9	V	V	Không Đạt	
71	29217329592	Trương Văn	Thông	02/01/2005	Quảng Nam	31TSC17	8.3	8.5	Đạt	
72	28206900458	Ngô Phạm Minh	Thư	22/12/2004	Bình Thuận	31TSC17	7.7	5.3	Đạt	
73	28204307030	Phan Diễm	Thúy	26/09/2004	Quảng Nam	31SSC9	4.7	1.0	Không Đạt	
74	28206654421	Huỳnh Thị Thu	Thùy	14/01/2004	Đắk Lắk	31SSC9	7.3	5.9	Đạt	
75	28206606645	Lê Thị Xuân	Trang	25/09/2004	Quảng Ngãi	31SSC9	9.3	6.5	Đạt	
76	29204939753	Nguyễn Thị Kiều	Trang	14/10/2005	Gia Lai	31THT18	8.0	9.0	Đạt	
77	29207264791	Trần Thị Lan	Trình	29/06/2005	Đà Nẵng	31TSC17	9.7	5.5	Đạt	
78	29204664751	Lê Thị Thanh	Tú	31/10/2005	Gia Lai	31SSC9	8.7	7.0	Đạt	
79	30212353392	Trần Thanh	Tùng	20/01/2005	Quảng Nam	31THT18	V	V	Không Đạt	
80	29206235303	Nguyễn Lê Ánh	Tuyết	27/04/2005	Đà Nẵng	31THT18	8.7	7.5	Đạt	
81	29205164744	Trương Huỳnh Mỹ	Uyên	19/10/2005	Đà Nẵng	31THT18	8.0	6.0	Đạt	
82	28206501810	Trần Yến	Vi	13/10/2004	Phú Yên	31THT18	V	V	Không Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh